TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HS-PT
Ngày 21 - 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuyến, Ông Trần Đức Long.
- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S do có kháng cáo của người bị hại ông Nguyễn Chí C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1980, tại xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Kim Q; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con sinh các năm 2009, 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người bị hại có kháng cáo: Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Trương Văn Bá, Văn phòng Luật sư Công Bằng, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2017, anh Nguyễn Chí C thuê tầng 1 nhà anh Lê Anh Đ ở xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình để mở cửa hàng Mạnh Hoàng (cửa hàng có Giấy

chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) và thuê Nguyễn Thanh S trực tiếp quản lý cửa hàng và giao dịch với khách hàng đến mua, bán, cho thuê xe mô tô, xe máy.

Quá trình làm việc tại Cửa hàng, Nguyễn Thanh S được anh C giao tiền mặt làm vốn kinh doanh, công việc cụ thể của Sơn là khi có khách hàng đến vay tiền thì yêu cầu phải có xe mô tô và giấy đăng ký xe mô tô chính chủ; sau đó khách hàng viết giấy mua bán xe với số tiền cụ thể tương ứng với giá trị chiếc xe do khách và đại diện Cửa hàng thỏa thuận. Hai bên viết giấy mua bán xe thì khách hàng được giao tiền, sau đó viết giấy thuê lại chiếc xe của mình vừa bán và lấy xe về sử dụng, chỉ để lại giấy đăng ký xe mô tô và giấy mua bán xe, giấy thuê xe cho Chủ cửa hàng quản lý. Thời hạn tối thiểu để thuê lại xe là 1 tháng, với lãi suất hai bên thỏa thuận 4.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Khi hết thời hạn thuê xe, nếu khách hàng thanh toán hết số tiền đã nhận ghi trong giấy giao nhận tiền thì Cửa hàng sẽ trả lại Giấy đăng ký xe mô tô và các giấy tờ liên quan.

Trong thời gian làm việc tại Cửa hàng Mạnh Hoàng từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2018, Sơn thừa nhận được anh Nguyễn Chí C giao 05 lần với số tiền tổng cộng 800.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 7/2017 với số tiền 400.000.000 đồng

Lần 2: Khoảng tháng 12/2017 với số tiền 130.000.000 đồng

Lần 3: Khoảng tháng 1/2018 với số tiền 120.000.000 đồng

Lần 4: Khoảng tháng 3/2018 với số tiền 50.000.000 đồng

Lần 5: Khoảng tháng 4/2018 với số tiền 100.000.000 đồng

Việc giao nhận tiền đều diễn ra tại xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, quá trình giao nhận chỉ có C và S, việc giao nhận tiền trực tiếp, không có giấy biên nhận và người chứng kiến, số tiền này Sơn sử dụng vào những nội dung sau:

Sử dụng 400.000.000 đồng để giao dịch thực tế với khách hàng, mức lãi suất được anh Công quy định là 4.000 đồng/1.000.000/1 ngày. Số tiền này, tháng 7 năm 2018 anh C kiểm tra đang có hồ sơ cho khách giao dịch tại Cửa hàng Mạnh Hoàng, anh C đã trực tiếp xử lý thu hồi hết số tiền 400.000.000 đồng.

Về số tiền thu được từ việc giao dịch cho khách hàng thuê lại xe trong thời gian làm việc tại cửa hàng (12 tháng), trong quá trình điều tra xác định các hồ sơ thể hiện quá trình giao dịch tại Cửa hàng Mạnh Hoàng không được Nguyễn Thanh S và anh C lưu trữ, khi khách hàng thanh toán xong giao dịch thì các tài liệu, hồ sơ liên quan S và anh C đã hủy bỏ, không lưu trữ nên quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch không thu được tài liệu, chứng cứ gì có giá trị để chứng minh. Mặt khác đối với số khách hàng tiến hành giao dịch với Cửa hàng, quá trình điều tra không có kết quả và không thu thập được bất cứ tài liệu nào liên quan đến quá trình giao dịch. Vì vậy, đối với số tiền lãi thu được từ việc giao dịch cho khách hàng thuê lại xe mô tô không đủ căn cứ để chứng minh, nên không xem xét đưa vào xác định số tiền Nguyễn Thanh S chiếm đoạt.

Với số tiền 400.000.000 đồng còn lại, theo thỏa thuận ban đầu có sự đồng ý và cho phép của anh C, Nguyễn Thanh S đã chi tổng cộng số tiền 206.000.000 đồng vào các việc sau:

- Trả lương cho Nguyễn Thanh S mỗi tháng 6.000.000 đồng x 12 tháng = 72.000.000 đồng; ngoài ra dịp Tết nguyên đán năm 2018 được thưởng thêm 01 tháng lương với số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền trả lương cho Nguyễn Thanh S là 78.000.000 đồng.

- Trả lương cho Phạm Duy L (là người được anh C thuê làm cùng với S tại Cửa hàng Mạnh Hoàng) mỗi tháng 4.000.000 đồng x 13 tháng = 52.000.000 đồng. (Bao gồm cả tháng lương thưởng dịp Tết nguyên đán năm 2018).

- Trả tiền thuê nhà cho anh Lê Anh Đ 3.500.000 đồng x 12 tháng = 42.000.000 đồng.

- Các chi phí khác như ăn uống, tiếp khách: 34.000.000 đồng (bao gồm tiền ăn hàng tháng của Sơn 2.400.000 đồng x 12 tháng = 28.800.000 đồng; tiền trà, nước 220.000 đồng x 12 tháng = 2.640.000 đồng; tiền xăng xe đi lại, dán tờ rơi quảng cáo: 2.560.000 đồng).

Số tiền còn lại 194.000.000 đồng, Nguyễn Thanh S thừa nhận đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Để hợp thức hóa số tiền chiếm đoạt, tránh bị anh C phát hiện, S đã tự nghỉ ra tên và số điện thoại khách hàng, sau đó nhập danh sách khống khách hàng vào máy tính theo dõi, báo lại với anh C và số tiền đã được khách vay để tránh bị phát hiện. Hàng ngày, tuần, tháng để tránh việc anh C kiểm tra phát hiện hành vi của mình, S thường xuyên nhắn tin thông qua điện thoại cho anh C báo cáo về hoạt động của Cửa hàng, trong đó bao gồm cả số liệu về khách hàng do S tự nghĩ ra.

Đến tháng 7/2018 anh C kiểm tra nhật ký khách hàng do S lập ra, theo đó đã phát sinh số tiền giao dịch là 2.540.000.000 đồng, trong đó số tiền đang có hồ sơ cho khách giao dịch là 400.000.000 đồng, anh C buộc S viết giấy giải trình đã nhận của C nhiều lần với số tiền Tổng cộng 2.540.000.000 đồng, trong đó đã tự ý chiếm đoạt 2.140.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Chí C khai đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Thanh S với tổng số tiền tổng cộng 2.540.000.000 đồng, đưa làm nhiều lần và không nhớ cụ thể từng lần đưa và số tiền đưa. Nguyễn Thanh S không thừa nhận đã nhận số tiền trên như trình bày của anh Nguyễn Chí C. Việc Nguyễn Thanh S viết giấy thừa nhận có nhận số tiền 2.540.000.000 đồng là do trong quá trình quản lý Cửa hàng, để chiếm đoạt tiền, tránh bị phát hiện, Sơn đã lập khống danh sách khách hàng do mình tự nghĩ ra cùng danh sách khách hàng có giao dịch thật vào máy tính để theo dõi và cộng dồn số tiền gốc vào lãi thành tiền gốc theo lãi suất 4.000 đồng/1.000.000/1 ngày để thể hiện số tiền 2.540.000.000 đồng. Theo số tiền này, anh Nguyễn Chí C cho người bắt ép Nguyễn Thanh S viết giấy thừa nhận anh Nguyễn Chí C đã giao cho Nguyễn Thanh S số tiền 2.540.000.000 đồng để kinh doanh tại Cửa hàng Mạnh Hoàng.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Chí C đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 02 tập tài liệu thể hiện tin nhắn trao đổi qua lại giữa Sơn và anh C về kết quả hoạt động hàng ngày tại Cửa hàng Mạnh Hoàng trong quá trình S được giao quản lý và 17 trang tài liệu có chữ viết tay của Nguyễn Thanh S. Do nội dung tin nhắn không

thể hiện rõ họ tên, địa chỉ cụ thể khách hàng giao dịch nên không có cơ sở để xác minh. Đối với 17 trang tài liệu mà anh C cung cấp, Nguyễn Thanh S cho rằng đó là chữ viết và các con số do mình tự viết nháp rồi bỏ tại Cửa hàng, không có ý nghĩa để chứng minh hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng Mạnh Hoàng, anh C cho rằng những tờ giấy này được S gói cùng với tiền doanh thu hàng tháng chuyển cho mình nhưng S không thừa nhận.

Về danh sách khách hàng khống do Nguyễn Thanh S tự nghĩ ra rồi nhập vào máy tính để báo lại với anh Nguyễn Chí C nhằm hợp thức hóa số tiền chiếm đoạt, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 tập tài liệu gồm 4 trang, thể hiện các khách hàng giao dịch tại Cửa hàng Mạnh Hoàng do Nguyễn Thanh S lập, được in ra từ USB copy từ máy tính tại Cửa hàng. Theo trình bày của Nguyễn Thanh S, danh sách này được lập gồm cả danh sách khách hàng giao dịch thật và khách hàng khống do S tự nghĩ ra rồi nhập vào để chiếm đoạt tiền, tránh sự phát hiện của anh C. Do việc nhập lẫn lộn giữa khách thực vay và khách khống nên Sơn không thể phân biệt được đâu là danh sách khách hàng thật và đâu là danh sách khách hàng khống. Trong bảng danh sách thể hiện họ, tên, số điện thoại khách hàng, ngày tháng năm giao dịch nhưng không có địa chỉ cụ thể của khách hàng, trong khi theo các số điện thoại của khách hàng thể hiện trong bảng danh sách, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tổ chức điều tra xác minh nhưng chỉ liên lạc được với 04 người, số còn lại không có thực hoặc có nhưng hiện không sinh sống tại địa phương và không đúng tên như trong danh sách đối với số máy đó. Vì vậy, việc xác minh đối với bảng danh sách này không có kết quả, không đủ căn cứ để làm chứng cứ chứng minh liên quan đến vụ án.

Đối với các hồ sơ liên quan đến quá trình giao dịch mua, bán, thuê xe mô tô tại Cửa hàng Mạnh Hoàng ở xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, anh C và Nguyễn Thanh S khai nhận, nếu đến thời hạn thanh toán hoàn trả đầy đủ số tiền đã nhận ghi trong giấy giao nhận tiền lúc làm hồ sơ mua, bán, thuê xe thì được Cửa hàng trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan trước đó. Đối với các khách hàng khống do S lập ra rồi nhập vào máy tính thì không có bất cứ hồ sơ, giấy tờ gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi Nguyễn Thanh S chiếm đoạt số tiền theo đơn trình báo của anh Nguyễn Chí C, do việc giao nhận tiền giữa anh C và Nguyễn Thanh S chỉ trao tay, không thể hiện bằng văn bản, không có người chứng kiến; không lưu trữ các hồ sơ, tài liệu để chứng minh khoản tiền gốc cũng như lãi phát sinh trong quá trình kinh doanh của Nguyễn Thanh S nên không đủ căn cứ để kết luận anh Nguyễn Chí C đã đưa cho Nguyễn Thanh S số tiền 2.540.000.000 đồng để kinh doanh và Nguyễn Thanh S chiếm đoạt số tiền 2.140.000.000 đồng của anh Nguyễn Chí C.

Kết quả điều tra chỉ đủ căn cứ kết luận trong thời gian làm việc tại Cửa hàng Mạnh Hoàng từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Thanh S được anh Nguyễn Chí C giao tiền 05 lần với số tiền tổng cộng 800.000.000 đồng, để hợp thức việc chiếm đoạt tiến của anh Nguyễn Chí C và tránh việc bị anh C phát hiện, Nguyễn Thanh S đã lập khống danh sách khách hàng cũng như phương tiện mô tô, số điện thoại để chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh S và anh

Nguyễn Chí C không thỏa thuận được về số tiền bồi thường, trong quá trình điều tra gia đình Nguyễn Thanh S nộp số tiền 15.000.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Quảng Trạch (theo Biên lai thu tiền số 0002886 ngày 27 tháng 8 năm 2019) để bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Chí C.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 USB ghi lại danh sách các khách hàng giao dịch tại cửa hàng Mạnh Hoàng (gồm cả danh sách thực và danh sách khống).

Cáo trạng số 23/CT-VKSQT ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch truy tố bị cáo Nguyễn Thanh S về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải bồi thường cho anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng (nộp tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai thu tiền số 0002886 ngày 27/8/2019), còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Chí C số tiền 179.000.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu đồng);

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại 01 USB cho anh Nguyễn Chí C;

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.960.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tuyên buộc bị cáo phải chịu lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu nhưng bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm đối với bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 02 tháng 12 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch nhận đơn kháng cáo của người bị hại anh Nguyễn Chí C với nội dung: Quá trình điều tra anh đã giao nộp chứng cứ chứng minh số tiền Nguyễn Thanh S chiếm đoạt nhưng không được chấp nhận dẫn đến xét xử không đúng khung hình phạt, xử phạt nhẹ đối với bị cáo và tuyên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền không đúng. Đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại có đơn kháng cáo là anh Nguyễn Chí C giữ nguyên các nội dung kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ áp dụng đúng khung hình phạt, tăng mức án đối với bị cáo Nguyễn Thanh S, buộc bị cáo bồi

thường đủ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại theo chứng cứ, tài liệu mà người bị hại đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại cho rằng theo Giấy giải trình do Nguyễn Thanh S viết ngày 18 tháng 7 năm 2018 cùng các chứng cứ, tài liệu do anh Nguyễn Chí C giao nộp cho Cơ quan điều tra thì có căn cứ anh Nguyễn Chí C đã giao cho Nguyễn Thanh S số tiền 2.546.000 đồng để kinh doanh, quá trình kinh doanh, Nguyễn Thanh S đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí C số tiền 2.140.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xử chỉ chấp nhận buộc Nguyễn Thanh S phải chịu trách nhiệm hình sự theo số tiền 194.000.000 đồng. Nếu tính theo số tiến này cùng với số tiền 6.000.000 đồng của 04 người thuê lại xe mô tô và 10.500.000 đồng tiền thuê nhà kỳ đầu có căn cứ do anh Nguyễn Chí C trả cho ông Lê Anh Đ nhưng không được Bản án sơ thẩm chấp nhận thì bị cáo đã phạm tội theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt tù từ 5 năm đến 12 năm. Mức án 36 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S là quá nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án đúng khung hình phạt quy định và buộc bồi thường cho bị hại theo số tiền đã chiếm đoạt của bị hại.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thanh S chỉ thừa nhận trong thời gian làm việc tại Cửa hàng Mạnh Hoàng từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2018, Nguyễn Thanh S được anh Nguyễn Chí C giao tiền 05 lần với số tiền tổng cộng 800.000.000 đồng, để hợp thức việc chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Chí C, Nguyễn Thanh S lập khống danh sách khách hàng cũng như phương tiện mô tô, số điện thoại để chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng. Nguyễn Thanh S không thừa nhận đã nhận số tiền 2.540.000.000 đồng như trình bày của anh Nguyễn Chí C. Việc Nguyễn Thanh S viết giấy thừa nhận có nhận số tiền 2.540.000.000 đồng là do anh Nguyễn Chí C cho người bắt ép Nguyễn Thanh S viết giấy thừa nhận anh Nguyễn Chí C đã giao cho Nguyễn Thanh S số tiền 2.540.000.000 đồng để kinh doanh tại Cửa hàng Mạnh Hoàng theo danh sách mà bị cáo đã lập khống khách hàng đến giao dịch do bị cáo tự nghĩ ra để chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Chí C đưa vào máy tính để theo dõi và cộng dồn số tiền gốc và lãi thành tiền gốc theo lãi suất 4.000 đồng/1.000.000/1 ngày để thể hiện có số tiền 2.540.000.000 đồng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án phát biểu quan điểm, theo kết quả điều tra và xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị hại yêu cầu tăng khung hình phạt, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại theo các chứng cứ, tài liệu đã giao nộp với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại 2.140.000.000 đồng do tại phiên toà người kháng cáo không có thêm chứng cứ, tài liệu mới chứng minh cho các nội dung kháng cáo của mình. Tuy nhiên mức hình phạt 36 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại để sửa phần hình phạt của Bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S mức án từ 40 đến 42 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Giữ y Bản án sơ thẩm xử buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải bồi thường cho anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000

đồng (nộp tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Quảng Trạch), còn phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Chí C số tiền 179.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo tình tiết nội dung vụ án, lời khai thừa nhận hành vi phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của bị cáo Nguyễn Thanh S tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án như lời khai của bị cáo Nguyễn Thanh S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại, của người làm chứng về công việc được anh Nguyễn Chí C giao cho Nguyễn Thanh S, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo của người bị hại yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án, áp dụng đúng khung hình phạt, tăng mức án đối với bị cáo Nguyễn Thanh S theo số tiền 2.140.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, buộc bị cáo bồi thường đủ số tiền 2.140.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại theo Giấy giải trình do Nguyễn Thanh S viết ngày 18 tháng 7 năm 2018 cùng các chứng cứ, tài liệu mà bị hại đã giao nộp cho Cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả điều tra xác minh theo các chứng cứ, tài liệu do bị hại giao nộp theo số tiền 2.540.000.000 đồng mà bị hại cho rằng đã giao cho Nguyễn Thanh S để kinh doanh tại Cửa hàng Mạnh Hoàng ở xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, chỉ có căn cứ kết luận trong thời gian làm việc tại Cửa hàng Mạnh Hoàng từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 14 tháng 7 năm 2018, anh Nguyễn Chí C có giao cho Nguyễn Thanh S 05 lần với số tiền tổng cộng 800.000.000 đồng, Nguyễn Thanh S đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng với thủ đoạn lập khống danh sách khách hàng do S tự nghĩ ra cùng danh sách khách hàng có giao dịch thật vào máy tính để theo dõi và cộng dồn số tiền lãi vào tiền gốc thành tổng tiền gốc theo lãi suất 4.000 đồng/1.000.000/1 ngày để thể hiện số tiền 2.540.000.000 đồng theo giấy Nguyễn Thanh S viết thừa nhận anh Nguyễn Chí C đã giao cho Nguyễn Thanh S số tiền 2.540.000.000 đồng để kinh doanh tại Cửa hàng Mạnh Hoàng nhằm tránh bị anh C phát hiện số tiền Nguyễn Thanh S đã chiếm đoạt, Bản án sơ thẩm xét xử xử quy kết Nguyễn Thanh S đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Chí C số tiền 194.000.000 đồng trong tổng số tiền 800.000.000 đồng Nguyễn Thanh S được anh C giao để kinh doanh là có căn cứ. Theo đó Bản án sơ thẩm áp dụng quy định của điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2017) để quyết định hình phạt đối với bị cáo; áp dụng quy định của Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và quy định của các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự để quyết định buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại là có căn cứ. Theo quan

điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đưa tại phiên toà phúc thẩm cho rằng bị cáo Nguyễn Thanh S đã chiếm đoạt số tiền 10.500.000 đồng tiền thuê nhà kỳ đầu do anh Nguyễn Chí C trả cho ông Lê Anh Đ nhưng bị cáo lại nhận do bị cáo chi trả cũng không có căn cứ vì theo Biên bản đối chất ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa bị cáo với anh Nguyễn Chí C và biên bản ghi lời khai của ông Lê Anh Đ ngày 27 tháng 5 năm 2019 thừa nhận Nguyễn Thanh S đã chi trả cho ông Lê Anh Đ tiền thuê nhà 4 kỳ là 42.000.000 đồng. Về số tiền 6.000.000 đồng của 04 người thuê lại xe mô tô cũng không có căn cứ buộc bị cáo đã chiếm đoạt vì quá trình điều tra, bị cáo và bị hại đều thừa nhận tiền lợi nhuận thuê lại xe mô tô bị cáo đã giao đủ hàng tháng theo hồ sơ khách hàng thuê xe cho bị hại.

Theo đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại để áp dụng khung hình phạt nặng hơn và buộc bị cáo trả lại cho bị hại số tiền 2.140.000.000 đồng theo yêu cầu kháng cáo.

Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức án đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Thanh S bị truy tố và xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015, có hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Theo số tiền 194.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt hoàn thành của bị hại, tình tiết giảm nhẹ của điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo số tiền 15.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp bồi thường thay cho bị cáo, cùng với tình tiết giảm nhẹ của điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng, mức án 36 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo đúng là đã xử phạt nhẹ đối với bị cáo. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại để sửa Bản án sơ thẩm, tăng mức án đối với bị cáo theo số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại và mức hình phạt quy định của điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị hại có kháng cáo.

Bị hại Nguyễn Chí C kháng cáo được chấp nhận một phần kháng cáo để sửa Bản án sơ thẩm nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Chí C để sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thanh S, xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh S 48** (bốn mươi tám) **tháng tù**

về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại Nguyễn Chí C yêu cầu áp dụng khung hình phạt nặng hơn đối với bị cáo Nguyễn Thanh S và buộc bị cáo Nguyễn Thanh S trả lại cho bị hại số tiền 2.140.000.000 đồng và giữ y Bản án sơ thẩm, áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải trả lại cho bị hại Nguyễn Chí C số tiền đã chiếm đoạt 194.000.000 đồng, được khấu trừ số tiền 15.000.000 đồng (đã nộp tại Chi cục Thi hành án hình sự huyện Quảng Trạch theo Biên lai thu tiền số 0002886 ngày 27/8/2019), còn phải trả lại cho anh Nguyễn Chí C số tiền 179.000.000 đồng.

2. Bị hại Nguyễn Chí C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án, buộc bị cáo Nguyễn Thanh S phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, buộc chịu lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (21 tháng 02 năm 2020).

Nơi nhận:
- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GĐKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Việt